

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự sống, sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của các quốc gia và nhân loại. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra có tác động mạnh mẽ tới đời sống kinh tế, xã hội của mọi quốc gia, trong đó có ảnh hưởng nhiều mặt tới môi trường; nảy sinh các vấn đề môi trường như mất cân bằng sinh thái, biến đổi khí hậu, sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường tại các đô thị... gây tác hại cho con người.

Pháp luật là công cụ quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường cũng như bảo vệ môi trường đô thị. Tuy nhiên, ở Việt Nam, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường đô thị hiện nay chưa được quan tâm đúng mức từ các nhà lập pháp, các nhà quản lý và các chủ thể. Hoạt động ban hành, triển khai, thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị còn bất cập, hạn chế. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường đô thị nói riêng là yêu cầu mang tính bức xúc và khách quan hiện nay.

Vì vậy, tôi đã chọn đề tài ***“Pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị - thực tiễn tại địa bàn thành phố Hà Nội”*** làm luận văn thạc sĩ luật học, với hy vọng qua nghiên cứu, trình bày một số vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị và thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường đô thị tại địa bàn thành phố Hà Nội sẽ đưa ra được một số giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở thành phố Hà Nội nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu

Đề tài luận văn mà tác giả lựa chọn là vấn đề còn khá mới ở nước ta. Ở Việt Nam có rất ít công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này, nhất là nghiên cứu dưới khía cạnh pháp lý. Phần lớn các công trình đã công bố chủ yếu nghiên cứu về đô thị trên

phương diện đô thị học và quản lý đô thị, trong đó có đề cập vấn đề môi trường nên không nghiên cứu sâu về pháp luật bảo vệ môi trường đô thị. Hay các công trình đã công bố nghiên cứu về pháp luật bảo vệ môi trường nói chung hoặc các mảng pháp luật môi trường như pháp luật bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch, pháp luật về bảo tồn di sản, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí...

3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích của luận văn là trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay và thực hiện pháp luật về môi trường đô thị tại địa bàn thành phố Hà Nội, luận văn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam nói chung và ở Hà Nội nói riêng.

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường đô thị.
- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay và thực tiễn thi hành tại địa bàn thành phố Hà Nội.
- Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam nói chung và ở Hà Nội nói riêng.

4. Phạm vi nghiên cứu

Trên cơ sở của quan niệm môi trường là môi trường tự nhiên, luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường đô thị; trình bày, đánh giá một số vấn đề cơ bản về thực trạng pháp luật bảo vệ môi trường đô thị và thực tiễn pháp luật bảo vệ môi trường đô thị tại địa bàn thành phố Hà Nội. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam nói chung và ở Hà Nội nói riêng.

5. Những đóng góp của đề tài

Luận văn là công trình khoa học có ý nghĩa nhất định trong việc làm rõ các vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường đô thị,

thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị và đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay.

Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước, những nhà hoạch định chính sách trong việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị; tài liệu tham khảo, nghiên cứu cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, các quan điểm của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường, về pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và pháp luật bảo vệ môi trường đô thị nói riêng.

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, như: phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, phương pháp phân tích và tổng hợp, lịch sử cụ thể và một số phương pháp khác: so sánh, thống kê, hệ thống hóa...

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường đô thị.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay và thực tiễn thực hiện tại địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

1.1. Khái niệm và đặc điểm về môi trường đô thị

1.1.1. Khái niệm môi trường đô thị

1.1.1.1. Khái niệm về môi trường

Về khái niệm môi trường, hiện nay có rất nhiều cách hiểu khác nhau.

Dưới góc độ ghi nhận trong pháp luật, môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật (Khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005).

Khái quát lại, *môi trường là tất cả những gì có xung quanh con người, cung cấp cho con người điều kiện sống và phát triển*, được thể hiện qua các chức năng cơ bản sau:

- Môi trường là không gian sống của con người và thế giới các loài sinh vật.
- Môi trường là nơi chứa đựng các nguồn tài nguyên thiên nhiên cần thiết cho cuộc sống và hoạt động sản xuất cũng như sự phát triển của con người.
- Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải của quá trình sinh hoạt trong cuộc sống của con người và của quá trình sản xuất.
- Môi trường có khả năng bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài; là nơi giảm nhẹ các tác động có hại của thiên nhiên tới con người và sinh vật trên trái đất.
- Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người.

1.1.1.2. Khái niệm về đô thị

Theo quan điểm chung của hầu hết các quốc gia trên thế giới thì đô thị được hiểu là nơi tập trung dân cư đông đúc, là trung tâm của một vùng lãnh thổ với hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp

và dịch vụ.

Dưới góc độ pháp lý, đô thị được hiểu là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn (Khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009).

Như vậy, đô thị là điểm dân cư tập trung với mật độ cao, chủ yếu là lao động phi nông nghiệp, có hạ tầng cơ sở thích hợp, là trung tâm tổng hợp hay chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương nhất định.

Đô thị có ba đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, đô thị có một cấu trúc hoàn chỉnh, đồng bộ và luôn vận động.

Thứ hai, đô thị luôn luôn phát triển.

Thứ ba, sự vận động và phát triển của đô thị có thể điều khiển được.

1.1.1.3. Khái niệm môi trường đô thị

Môi trường đô thị là môi trường sống, nơi cư trú và diễn ra các hoạt động của dân cư đô thị.

Môi trường đô thị bao gồm các yếu tố tự nhiên và nhân tạo, yếu tố vật chất và phi vật chất có quan hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của thiên nhiên và con người tại các điểm dân cư trong đô thị.

1.1.2. Đặc điểm môi trường đô thị

Thứ nhất, môi trường đô thị là không gian sống của cư dân đô thị.

Thứ hai, môi trường đô thị là nơi cung cấp tài nguyên cần thiết (như ánh sáng, đất, nước, không khí...) cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân đô thị.

Thứ ba, môi trường đô thị là nơi chứa đựng rất nhiều chất phế thải do cư dân đô thị tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, gây bệnh tật cho cuộc sống của con người.

1.1.3. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường đô thị

Quá trình sản xuất và sinh hoạt của con người tại các đô thị tác động rất lớn đến môi trường đô thị, ô nhiễm môi trường đô thị nằm trong tình trạng đáng báo động. Do đó, bảo vệ môi trường đô thị mang tính cấp thiết và có ý nghĩa rất quan trọng. Để bảo vệ môi trường đô thị, mỗi vùng lãnh thổ, mỗi quốc gia có nhiều cách khác nhau như biện pháp tổ chức - chính trị, biện pháp kinh tế, biện pháp khoa học - công nghệ, biện pháp giáo dục, biện pháp pháp lý... trong đó biện pháp pháp lý hay công cụ pháp luật là cách thức hữu hiệu nhất được tất cả các quốc gia trên thế giới sử dụng để bảo vệ môi trường nói chung cũng như bảo vệ môi trường đô thị nói riêng.

1.2. Khái niệm, nội dung và vai trò của pháp luật bảo vệ môi trường đô thị

1.2.1. Khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị

Bảo vệ môi trường đô thị là các hoạt động do cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân tiến hành nhằm đạt được các mục đích sau:

- Giữ cho môi trường đô thị trong lành, sạch đẹp.
- Phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường đô thị, ứng phó sự cố môi trường.
- Khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường đô thị.
- Bảo vệ cảnh quan môi trường đô thị.

Pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm

điều chỉnh các mối quan hệ giữa các chủ thể trong hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; phòng ngừa, hạn chế những tác động xấu đối với môi trường, ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường; bảo vệ cảnh quan môi trường đô thị và bảo vệ đa dạng sinh học.

1.2.2. Nội dung của quan hệ pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị

Thứ nhất, yếu tố chủ thể. Chủ thể trong quan hệ pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị là những cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động nhằm giữ cho môi trường đô thị trong lành, sạch đẹp, bảo vệ sức khỏe của con người; bao gồm hai nhóm cơ bản là các chủ thể có thẩm quyền trong công tác bảo vệ môi trường và nhóm chủ thể không được sử dụng quyền lực nhà nước khi thực hiện công tác bảo vệ môi trường đô thị.

Thứ hai, yếu tố khách thể. Khách thể của quan hệ pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị là những lợi ích mà các chủ thể hướng tới khi thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ môi trường đó là giữ cho môi trường đô thị trong lành, sạch đẹp; bảo vệ cảnh quan môi trường đô thị; ngăn ngừa và hạn chế những tác động xấu đến môi trường đô thị; khắc phục sự cố, suy thoái, ô nhiễm môi trường đô thị.

Thứ ba, yếu tố nội dung. Nội dung của quan hệ pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị là những quy định của pháp luật được ban hành nhằm đạt những lợi ích mà các chủ thể trong quan hệ pháp luật bảo vệ môi trường đô thị mong muốn; quy định quyền và nghĩa vụ chủ thể trong bảo vệ môi trường đô thị. Đó là các quy định pháp luật về quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị, các quy định pháp luật về yêu cầu chung về bảo vệ môi trường đối với đô thị, bảo vệ môi trường nơi công cộng, đối với các hộ gia đình tại đô thị và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị.

1.2.3. Vai trò của pháp luật môi trường trong bảo vệ môi trường đô thị

Thứ nhất, pháp luật bảo vệ môi trường đô thị là công cụ hữu hiệu được sử dụng để ngăn ngừa, hạn chế những tác động xấu đối với môi trường đô thị.

Thứ hai, pháp luật bảo vệ môi trường đô thị là công cụ để khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường đô thị.

Thứ ba, pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị còn là công cụ pháp lý quan trọng trong bảo vệ cảnh quan môi trường đô thị.

1.3. Pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị của một số quốc gia trên thế giới

1.3.1. Pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị của Sing-ga-po

Các văn bản pháp luật có vai trò quan trọng đối với việc kiểm soát ô nhiễm môi trường ở Sing-ga-po là: đạo luật về môi trường và sức khỏe cộng đồng; đạo luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường; đạo luật về hệ thống cống tiêu thoát nước; đạo luật về xuất nhập khẩu, quá cảnh chất thải nguy hiểm.

Để đảm bảo cho các đạo luật có hiệu lực thi hành trên thực tế, pháp luật về môi trường của Sing-ga-po đã đặt ra các biện pháp cưỡng chế đối với các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về môi trường như sau:

Một là, biện pháp xử lý hình sự, bao gồm các hình phạt: phạt tiền, phạt tù, bắt bồi thường và phạt cải tạo lao động bắt buộc (chỉ áp dụng với những bị cáo đủ 16 tuổi trở lên và đủ tiêu chuẩn y tế).

Hai là, biện pháp hành chính. Đó là các kế hoạch sử dụng đất, giấy phép và ban hành các mệnh lệnh thông báo.

Ba là, biện pháp dân sự. Các Đạo luật môi trường Sing-ga-po đặt ra yêu cầu đối với các cá nhân, tổ chức gây ô nhiễm phải nộp phạt, bồi thường thiệt hại, chi phí và các khoản phí tổn mà cơ quan có thẩm quyền phải chi để làm sạch môi trường...

Bên cạnh việc ban hành pháp luật và các biện pháp thực thi luật nêu trên, Chính phủ Sing-ga-po đã thực hiện nhiều chương trình giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết của quần chúng về môi trường và động viên họ tham gia tích cực vào việc bảo vệ và giữ gìn môi trường.

1.3.2. Pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Nhật Bản

Sử dụng công cụ pháp luật để bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường đô thị nói riêng, Nhật Bản đã ban hành các đạo luật quan trọng sau: Luật môi trường cơ bản, Luật kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và môi trường nước, Luật khuyến khích sử dụng nguyên liệu tái chế.

Bên cạnh việc ban hành các đạo luật, tạo khung pháp lý rất đầy đủ về môi trường, Nhật Bản có một hệ thống tư pháp, thực thi luật môi trường được phân cấp rõ ràng từ Trung ương đến địa phương.

Hệ thống các tổ chức giải quyết tranh chấp môi trường được thành lập, đứng đầu là Ủy ban Điều phối tranh chấp môi trường (EDCC), rồi đến các Ủy ban kiểm tra tình trạng ô nhiễm cấp tỉnh (PPECs). Các Ủy ban này sẽ tiếp nhận các vụ kiện môi trường với các thủ tục như: hòa giải, trung gian hòa giải, phân xử, xét xử trách nhiệm và xét xử nguyên nhân. Nhờ vậy, các tranh chấp môi trường đã được giải quyết nhanh chóng, đơn giản hóa và chính xác, đảm bảo được quyền lợi của người bị thiệt hại.

Như vậy, cả Sing-ga-po và Nhật Bản đều có hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ môi trường đô thị nói riêng khá đầy đủ và hoàn thiện, trong đó có các quy định, biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật, là những bài học kinh nghiệm có thể áp dụng vào lập pháp, lập quy và quá trình tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường đô thị nói riêng ở Việt Nam.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Các quy định pháp luật về quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị

2.1.1.1. Nội dung cơ bản của quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị

Pháp luật quy định quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị phải là một nội dung của quy hoạch đô thị.

Nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị được xác định tại Điều 50 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, gồm các quy hoạch về đất đai cho xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường và các hệ thống công trình kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường, cụ thể là:

- Hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung; hệ thống tiêu thoát nước mưa; hệ thống cơ sở thu gom, tập kết, xử lý, tái chế chất thải rắn.
- Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất bao gồm các vấn đề về chất lượng nước cấp, vị trí, quy mô các công trình cấp nước gồm mạng lưới tuyến truyền tải và phân phối, nhà máy, trạm làm sạch, phạm vi bảo vệ nguồn nước và hành lang bảo vệ công trình cấp nước.
- Hệ thống công viên, khu vui chơi, giải trí, công trình vệ sinh công cộng.
- Hệ thống cây xanh, vùng nước.
- Khu vực mai táng như địa điểm mai táng, tuyến vận chuyển đám tang, hệ thống cây xanh cách ly nghĩa trang, nghĩa địa.

Ngoài ra, còn có quy định cấm xây dựng mới cơ sở sản xuất kinh doanh tiềm ẩn nguy cơ lớn về ô nhiễm, sự cố môi trường trong đô thị.

2.1.1.2. Các yêu cầu cơ bản của quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị

Thứ nhất, quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị phải là một nội dung của quy hoạch đô thị và phải được lồng ghép một cách hợp lý, có tính khả thi.

Thứ hai, quy hoạch chung xây dựng đô thị phải đảm bảo xác định tổng mặt bằng sử dụng đất của đô thị theo quy mô dân số của từng giai đoạn quy hoạch, phân khu chức năng đô thị, bố trí tổng thể các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị...

Thứ ba, quy hoạch chi tiết đô thị cần phải có các giải pháp thiết kế về hệ thống các công trình kỹ thuật đô thị, các biện pháp đảm bảo cảnh quan môi trường sinh thái và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật có liên quan.

Để đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu của pháp luật về quy hoạch môi trường đô thị cần phải chú ý đến các yếu tố môi trường sau đây:

- Các yếu tố môi trường không gian chức năng đô thị
- Các yếu tố môi trường cơ sở hạ tầng xã hội đô thị.
- Các yếu tố môi trường hạ tầng kỹ thuật đô thị.

2.1.2. Các quy định pháp luật về yêu cầu chung bảo vệ môi trường đối với đô thị, bảo vệ môi trường nơi công cộng và bảo vệ môi trường đối với các hộ gia đình tại đô thị

2.1.2.1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với đô thị

Thứ nhất, có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Thứ hai, có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư.

Thứ ba, bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường.

2.1.2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường nơi công cộng

Thứ nhất, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; đổ, bỏ rác vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

Thứ hai, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm: Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; bố trí đủ công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường; Có đủ lực lượng thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý.

Những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng bị xử lý bằng các biện pháp: Phạt tiền; buộc lao động vệ sinh môi trường có thời hạn ở nơi công cộng; tạm giữ phương tiện có liên quan gây ra ô nhiễm môi trường.

2.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các hộ gia đình

- Thu gom và chuyển chất thải sinh hoạt đến đúng nơi do tổ chức giữ gìn vệ sinh môi trường tại địa bàn quy định; xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải.

- Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn và tác nhân khác vượt quá tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh.

- Nộp đủ và đúng thời hạn các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tham gia hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng và hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư.

- Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hương ước, bản cam kết bảo vệ môi trường.

Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường nêu trên là một trong những tiêu chí để xếp loại gia đình văn hóa hiện nay.

2.1.3. Một số quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị

2.1.3.1. Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường đô thị

Theo quy định tại Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 thì các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường có các trách nhiệm sau:

- Kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân thực hiện quy định về giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thu gom, tập kết và xử lý rác thải, chất thải.

- Giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi công cộng.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ các hủ tục, thói quen mất vệ sinh, có hại cho môi trường.

- Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

Cùng với các quy định trên thì pháp luật còn quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quy định về hoạt động và tạo điều kiện để tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả.

2.1.3.2. Các quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong bảo vệ môi trường đô thị

Một số quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong bảo vệ môi trường đô thị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành là:

QCVN 03: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

QCVN 05: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

QCVN 25: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn.

QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bên cạnh các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, trong bảo vệ môi trường đô thị còn có các quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành, đó là Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2008/BXD do Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008.

2.1.3.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường đô thị

Theo quy định tại Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 thì mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường đô thị nói riêng đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Theo đó, người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng biện pháp hình sự, dân sự, hành chính hay kỷ luật.

2.1.4. Nhận xét, đánh giá pháp luật bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, mặc dù bảo vệ môi trường nói chung cũng như bảo vệ môi trường đô thị nói riêng là vấn đề khá mới, nhưng các văn bản pháp luật được ban hành ngày càng hoàn thiện hơn, bước đầu đã tạo

cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đô thị, nâng cao nhận thức của cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân đối với vấn đề bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường đô thị nói riêng.

Thứ hai, các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị còn nằm rải rác, thiếu sự tập trung, thống nhất. Vấn đề bảo vệ môi trường đô thị mới được điều chỉnh tại Chương VI Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 (có 5 điều), bao gồm những quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị (Điều 50), yêu cầu bảo vệ môi trường đối với đô thị (Điều 51), bảo vệ môi trường nơi công cộng (Điều 52), yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình (Điều 53) và tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường (Điều 54). Còn các nội dung khác của bảo vệ môi trường đô thị lại được điều chỉnh ở các văn bản khác như Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và các văn bản hướng dẫn...

Thứ ba, các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị vẫn tồn tại những quy định mâu thuẫn nhau như quy định về lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2005...

Thứ tư, một số vấn đề môi trường đô thị chưa được điều chỉnh đúng mức, thiếu tính khả thi, thậm chí có những quan hệ xã hội về bảo vệ môi trường đô thị chưa được pháp luật điều chỉnh. Ví dụ như pháp luật về quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị còn nhiều hạn chế như các quy định về quy hoạch đô thị chỉ nặng về kỹ thuật mà thiếu yếu tố quy hoạch không gian kiến trúc, chưa có sự kết hợp đồng bộ giữa các ngành liên quan; hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về môi trường còn chưa đầy đủ; chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường đô thị nói riêng còn hạn chế...

Thứ năm, việc thực thi pháp luật về môi trường đô thị trên thực tế lại kém hiệu quả.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị tại địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, công tác quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị ngày càng được quan tâm và đạt được những kết quả nhất định.

Thứ hai, đã thực hiện tương đối tốt việc bảo vệ môi trường nơi công cộng.

Thứ ba, đã đáp ứng được một phần các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với đô thị.

Thứ tư, công tác bảo vệ môi trường tại mỗi hộ gia đình đã được thực hiện khá nghiêm túc.

Thứ năm, tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường được thành lập ở hầu hết các khu dân cư và có vai trò tích cực trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

2.2.2. Những hạn chế, yếu kém

Thứ nhất, công tác quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị còn nhiều bất cập như quy hoạch phát triển đô thị thường có tầm nhìn ngắn hạn, chưa thu hút được sự tham gia rộng rãi của cộng đồng, các chuyên gia tham gia dự án quy hoạch...

Thứ hai, việc thực thi pháp luật về yêu cầu đối với bảo vệ môi trường tại đô thị còn một số hạn chế như: hệ thống công trình hạ tầng, kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường chưa đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu của pháp luật; ở một số khu vực dân cư trong nội thành hiện nay vẫn chưa có hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất; vấn đề công viên, cây xanh tại đô thị bị xem nhẹ...

Thứ ba, việc thực hiện bảo vệ môi trường tại nơi công cộng và tại mỗi hộ gia đình, khu dân cư chưa thực sự tốt.

Thứ tư, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị vẫn tiếp tục xảy ra.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Do các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị của Việt Nam hiện nay còn thiếu, chưa đồng bộ, còn nhiều hạn chế, không đủ để quản lý, kiểm soát mọi vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường đô thị. Một số quy định hiệu quả thực thi kém, chỉ mang tính hình thức.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đô thị tại địa bàn thành phố Hà Nội còn bộc lộ nhiều yếu kém; phân công, phân cấp trách nhiệm chưa rõ ràng, thiếu hợp lý, số lượng cán bộ còn thiếu và hạn chế về năng lực.

- Đầu tư cho bảo vệ môi trường đô thị tại Hà Nội còn rất thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Người dân thiếu hiểu biết và ít quan tâm tới hoạt động bảo vệ môi trường đô thị.

- Về phía các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại địa bàn Hà Nội: Chưa có ý thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường, có tâm lý đối phó trong việc phòng ngừa, kiểm soát nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

Bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ lớn luôn được Đảng và Nhà nước ta coi trọng, đặc biệt là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai, tác động của quá trình đô thị hóa đối với môi trường đô thị.

Quá trình đô thị hóa là tất yếu trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, nhưng nó cũng có thể gây ra những tác động xấu đối với môi trường, thể hiện ở việc tài nguyên đất bị khai thác triệt để, diện tích cây xanh và mặt nước giảm, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng...

Thứ ba, yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường từ bên ngoài; có nguy cơ tăng suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên...

Thứ tư, xuất phát từ thực tiễn pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay và hiệu quả thực thi của nó.

Trước những thách thức và yêu cầu của quá trình đô thị hóa và hợp tác quốc tế nói trên, pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở nước ta hiện nay còn chưa hoàn chỉnh, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đời sống xã hội, các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị còn nằm rải rác, thiếu sự tập trung, thống nhất; còn tồn tại những mâu thuẫn; một số vấn đề môi trường đô thị chưa được điều chỉnh đúng mức, thiếu tính khả thi, thậm chí chưa được pháp

luật điều chỉnh và việc thực thi pháp luật về môi trường đô thị trên thực tế lại kém hiệu quả.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay

3.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật về quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị

- Đề khắc phục tình trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị còn nằm rải rác, thiếu sự tập trung, thống nhất, cần ban hành Luật Đô thị. Tất cả các hoạt động về quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị và các hoạt động vật chất khác diễn ra trong đô thị nếu ảnh hưởng đến không gian sống của người dân trong đô thị đều được quy định trong Luật Đô thị.

Luật Đô thị cần điều chỉnh các vấn đề như phân loại đô thị; quy hoạch đô thị; kiến trúc cảnh quan đô thị; cải tạo và chỉnh trang khu đô thị; đất đô thị; nhà trong đô thị; cấp - thoát nước đô thị; chất thải rắn đô thị; nghĩa trang và an táng; cây xanh đô thị; không gian ngầm đô thị; xử lý vi phạm... Nội dung của Luật Đô thị cần phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường về vấn đề bảo vệ môi trường đô thị.

Đặc biệt, Luật Đô thị cần quy định rõ về trách nhiệm của các ngành có liên quan và cơ chế phối hợp giữa các ngành trong quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị.

- Ban hành các quy định hướng dẫn chi tiết về quy hoạch khu vực nghĩa trang có khoảng cách đảm bảo vệ sinh môi trường nhằm giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống sinh hoạt của người dân khu vực gần đó và góp phần giữ cho môi trường đô thị trong lành, sạch đẹp, đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị.

- Cần quy định cụ thể và thống nhất về khu dân cư, khoảng cách an toàn của các cơ sở sản xuất, kho tàng đến khu dân cư đối với từng loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Ban hành văn bản quy định cụ thể danh mục các doanh nghiệp, ngành nghề có thể gây ô nhiễm (theo quy định tại Khoản 3, Điều 50 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005) để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị, hạn chế ô nhiễm có thể xảy ra.

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về lồng ghép các nội dung quy hoạch về bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch chung đô thị.

- Cần khắc phục tình trạng mâu thuẫn giữa Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 về lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong quy hoạch đô thị, theo hướng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định về sử dụng công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường đô thị

Cần ban hành các văn bản quy định về chế độ kiểm toán môi trường; các quy định cụ thể về khuyến khích việc áp dụng hệ thống quản lý môi trường (ISO 14000); các quy định hướng dẫn sử dụng cơ chế cô-ta phát thải và hình thành thị trường chuyển nhượng cô-ta phát thải; thực hiện công cụ “ký quỹ và hoàn trả” trong mua bán và sử dụng sản phẩm có khả năng gây nguy hại cho môi trường.

Tăng cường áp dụng các chính sách ưu đãi, khuyến khích về thuế, trợ giá, hỗ trợ vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường.

3.2.1.3. Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường đô thị

- Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung) đối với các tội phạm về môi trường nói chung và bảo vệ môi trường đô thị nói riêng.

- Thiết lập chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật hình sự, đối với những trường hợp vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hoàn thiện các quy định về xác định thiệt hại do ô nhiễm môi trường, bổ sung quy định về xác định thiệt hại do ô nhiễm không khí từ nguồn công nghiệp.

- Về chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường tại đô thị: Nên quy định tổ chức tự quản các phường tham gia xử lý các vi phạm về vệ sinh môi trường, bởi lực lượng này vừa có thời gian vừa nắm chắc địa bàn nơi mình hoạt động.

3.2.1.4. Hoàn thiện các nội dung khác của pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị

- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiếp tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải, xử lý chất thải...

- Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường đô thị.

- Đề nghị sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước tăng mức chi sự nghiệp môi trường từ 1% lên 2% tổng chi ngân sách nhà nước.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường.

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay

3.2.2.1. Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đô thị

Về tổ chức bộ máy nhà nước ở các đô thị, đối với địa bàn quận/huyện cần thành lập bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường hoặc cán bộ chuyên trách về môi trường. Đối với cấp phường/xã, thành lập đội ngũ cán bộ chuyên môn về môi trường chịu trách nhiệm quản lý về môi trường.

Bên cạnh đó, cần có các biện pháp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường ở các đô thị.

3.2.2.2. Tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đô thị của cộng đồng

Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân, của toàn xã hội. Do vậy, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của quản lý nhà nước về môi trường là công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, ý thức đạo đức về bảo vệ môi trường đối với mọi đối tượng, mọi tầng lớp nhân dân, nhằm nâng cao sự hiểu biết và ý thức tự giác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày, để ngăn ngừa và hạn chế vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

3.2.2.3. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường đô thị

Nội dung của việc xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường là huy động ở mức cao nhất sự tham gia của xã hội vào công tác bảo vệ môi trường; xác lập các cơ chế khuyến khích, các chế tài hành chính, hình sự và thực hiện một cách công bằng, hợp lý đối với tất cả các cơ sở nhà nước và tư nhân khi tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; đề cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ môi trường; đưa bảo vệ môi trường vào nội dung hoạt động của các khu dân cư, cộng đồng dân cư và phát huy vai trò của các tổ chức này trong công tác bảo vệ môi trường.

3.2.2.4. Đầu tư thích đáng cho bảo vệ môi trường đô thị

Đầu tư bảo vệ môi trường đô thị phải được đa dạng hóa về hình thức nhằm huy động được mọi nguồn lực trong xã hội. Hình thức đầu tư bao gồm đầu tư bằng trí lực, vật lực, ngày công lao động hữu ích và bằng tiền... Trong đó toàn xã hội tham gia đầu tư bảo vệ môi trường dưới mọi hình thức và chủ yếu đầu tư cho những chương trình, dự án... mang tính cộng đồng; các đơn vị sản xuất kinh doanh đầu tư cho việc phòng ngừa ô nhiễm, xử lý sự cố, cải tạo, bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý của đơn vị mình. Ngân sách nhà nước

đóng vai trò chủ đạo trong việc đầu tư để bảo vệ môi trường có tính liên vùng, liên ngành và thực hiện các dự án quốc gia, quốc tế.

3.2.2.5. Tập trung đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ cho hoạt động bảo vệ môi trường đô thị

Hiện nay, khoa học công nghệ đã dần thể hiện được vai trò có ích với môi trường, thân thiện với môi trường và góp phần bảo vệ, cải thiện môi trường. Do vậy cần tập trung đầu tư nhiều hơn cho hoạt động này.

Khuyến khích và triển khai nhanh các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong việc xử lý ô nhiễm, suy thoái môi trường; Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, năng lượng; Có cơ chế, chính sách ưu đãi những cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; khuyến khích phát triển năng lượng sạch như năng lượng từ gió, điện địa nhiệt, thủy điện; thực hiện phát động mạnh mẽ các chương trình tiết kiệm năng lượng. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng “sản xuất sạch hơn”, nhằm giảm thiểu, khắc phục ô nhiễm môi trường.

3.2.2.6. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường đô thị

Việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường giúp cho việc khắc phục những khó khăn, hạn chế vượt khỏi khả năng giải quyết của một quốc gia, một địa phương.

Cần xây dựng một kế hoạch dài hạn, lộ trình hợp lý về hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận văn “*Pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị - thực tiễn tại địa bàn thành phố Hà Nội*”, tác giả đạt được những kết quả sau:

- Luận văn đã trình bày cơ sở lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường đô thị, đặc biệt đưa ra được khái niệm, nội dung và vai trò của pháp luật bảo vệ môi trường đô thị.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay.

- Nêu lên thực tiễn thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường đô thị tại địa bàn thành phố Hà Nội - những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém đó.

- Trên cơ sở nêu ra tính cấp thiết của việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở Việt Nam hiện nay, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị ở thành phố Hà Nội nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Tác giả hy vọng những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách trong việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.